

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 73 /2020/DS-ST

Ngày 01 / 12 /2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** ông Trần Văn Xuyên

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. ông Nguyễn Mạnh Dũng;

2. ông Nguyễn Đăng Bảy;

**- Thư ký phiên tòa:** bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước:** bà Trịnh Thị Tâm – Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/ DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số 85 /2020 /QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Vũ Th H; Sinh năm 1956 ( có mặt )

Địa chỉ : thôn 4, xã M H, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Bà Trần Th L Sinh năm 1972 ( có mặt )

ông Nguyễn Minh T ; Sinh năm 1971 ( vắng mặt )

Địa chỉ : thôn 4, xã M H, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn H Đ; Sinh năm 1990 ( có mặt )

Địa chỉ : thôn 4, xã M H, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày: Năm 2019 Tôi có cho ông Nguyễn Minh T Bà Trần Th L vay tiền, đến ngày 28/6/2020 các bên thỏa thuận viết lại giấy mượn tiền số tiền 195.000.000đ, giấy nợ cũ thì bà Lê xé bỏ trước mặt, khi viết lại giấy thì hẹn mỗi tháng trả 15.000.000đ, đến nay vẫn không trả đồng nào, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị

đơn trả tiền gốc 195.000.000đ và tiền lãi từ ngày 28/6/2020 đến nay, mức lãi 0,83%/1 tháng.

Ngày 09/11/2020 bị đơn có văn bản rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ khởi kiện bà Trần Th L vì chỉ có bà Lệ vay tiền.

**Bị đơn** bà Bà Trần Th L trình bày: năm 2019 Tôi có vay tiền của bà Vũ Th H, đến ngày 28/6/2020 các bên thỏa thuận viết lại giấy mượn tiền số tiền 195.000.000đ là đúng. Tuy nhiên khi cộng số nợ này thì cộng luôn cả khoản mà anh Nguyễn H Đ là con bà đã vay của bà Hoa, cò bà Đào Thị Định chứng kiến. bà đứng ra trả nợ thay cho Đức. Nên mới có số tiền nợ 195.000.000đ, Nay bà đồng ý trả gốc và lãi nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn H Đ trình bày: Tôi có vay tiền của bà Hoa 20.000.000đ là đúng. Trong số tiền mà bà Hoa và bà Lệ cộng số có số tiền của tôi 20.000.000đ là do mẹ tôi nói lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mà bị đơn đã vay. Xét thấy bị đơn cho rằng trong số tiền nợ 195.000.000đ thì có số tiền mà Nguyễn H Đ đã vay của bà Hoa, bà Lệ nhận trả nợ thay Đức, khi cộng nợ thì các giấy nợ cũ đã gạch bỏ. Lời khai của bà Đào Thị Định khai khi cộng nợ thì bà không thấy khoản nợ của Đức, khi cộng nợ thì các giấy nợ cũ lần lượt được cô Lệ xé bỏ.

Trong biên bản đối chất bị đơn thừa nhận khi cộng nợ thì giấy cũ gạch bỏ, còn giấy nợ của Đức thì không gạch bỏ, tôi đồng ý.

Anh Đức xác định Trong số tiền mà bà Hoa và bà Lệ cộng số có số tiền của tôi 20.000.000đ là do mẹ tôi nói lại .

Nguyên đơn không thừa nhận trong số nợ 195.000.000đ thì có khoản nợ 20.000.000đ của Đức.

Trong giấy vay nợ mà anh Đức vay tiền của bà hoa hiện nay vẫn còn, chưa bị xé bỏ hay gạch bỏ.

Như vậy lời khai của bị đơn và người liên quan cho rằng trong số nợ 195.000.000đ thì có khoản nợ 20.000.000đ của Đức là không có căn cứ.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trần Th L trả bà Vũ Th H số nợ 195.000.000đ.

Về số tiền lãi: Từ ngày 28/6/2020 đến nay 01/12/2020 là 5 tháng 3 ngày, cụ thể:

$195.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 5 \text{ tháng} 3 \text{ ngày} = 3.251.850đ$ .

Tổng cộng số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 198.251.850đ

[ 4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định  $198.251.850đ \times 5\% = 9.912.592đ$ .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Th L phải trả cho bà Vũ Th H số tiền gốc đã vay 195.000.000đ, tiền lãi 3.251.850đ. Tổng cộng 198.251.850đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn bà Trần Th L phải nộp tiền án phí DSST là 9.912.592đ.

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Dương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Xuyên**

